

**LÃI SUẤT CHO VAY CƠ BẢN (“BLR”) ÁP DỤNG ĐỐI VỚI  
KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP**

**Ngày hiệu lực: 12/5/2023**

Trong trường hợp lãi suất của khoản vay theo Hợp Đồng Tín Dụng/Thỏa Thuận Chung Về Tiềm Ích liên quan là **BLR + Lãi Biên\***, Quý Khách vui lòng tham khảo thông tin BLR được áp dụng cho các khoản vay tương ứng dưới đây.

| Thời hạn<br>điều chỉnh lãi suất | USD BLR (%)           |          | VND BLR (%)           |          |
|---------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|                                 | Áp dụng đ/v khoản vay |          | Áp dụng đ/v khoản vay |          |
|                                 | Trung/Dài hạn         | Ngắn hạn | Trung/Dài hạn         | Ngắn hạn |
| <b>Qua đêm</b>                  | 7.73                  | 7.73     | 6.85                  | 6.10     |
| <b>1 tuần</b>                   | 7.78                  | 7.78     | 6.90                  | 6.15     |
| <b>2 tuần</b>                   | 7.78                  | 7.78     | 6.90                  | 6.15     |
| <b>1 tháng</b>                  | 7.79                  | 7.79     | 6.91                  | 6.16     |
| <b>2 tháng</b>                  | 7.81                  | 7.81     | 6.92                  | 6.17     |
| <b>3 tháng</b>                  | 7.80                  | 7.80     | 6.94                  | 6.19     |
| <b>4 tháng</b>                  | 7.77                  | 7.77     | 6.96                  | 6.21     |
| <b>5 tháng</b>                  | 7.75                  | 7.75     | 6.97                  | 6.22     |
| <b>6 tháng</b>                  | 7.72                  | 7.72     | 6.99                  | 6.24     |
| <b>7 tháng</b>                  | 7.66                  | 7.66     | 6.98                  | 6.23     |
| <b>8 tháng</b>                  | 7.60                  | 7.60     | 6.97                  | 6.22     |
| <b>9 tháng</b>                  | 7.54                  | 7.54     | 6.96                  | 6.21     |
| <b>10 tháng</b>                 | 7.47                  | 7.47     | 6.95                  | 6.20     |
| <b>11 tháng</b>                 | 7.41                  | 7.41     | 6.94                  | 6.19     |
| <b>12 tháng</b>                 | 7.34                  | 7.34     | 6.93                  | 6.18     |

\* Lãi Biên được xác định theo Hợp Đồng Tín Dụng/Thỏa Thuận Chung Về Tiềm Ích.

**Lưu ý:**

Giám Đốc Quan Hệ Khách Hàng của Ngân Hàng sẽ thông báo riêng với Quý Khách BLR của khoản vay trong trường hợp:

- (i) Các khoản vay trị giá trên 50 tỷ VNĐ hoặc 01 triệu USD; và/hoặc
- (ii) Thời hạn điều chỉnh lãi suất trên 1 năm; và/hoặc
- (iii) Các khoản vay bằng các loại ngoại tệ khác.